

Bản án số: 225/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2021

v/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đức Hiếu

Ông Đặng Văn Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:
Bà Trần Lê Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 103/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HNGĐ 18 tháng 06 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐ-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Tất P - Sinh năm: 1964 (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị X - Sinh năm: 1958 (Vắng mặt lần thứ hai, không có lý do).

Cùng địa chỉ: Số 17 đường A, Tổ 9 phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/03/2021, bảng tự khai đề ngày 01/4/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Tất P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị X chung sống với nhau từ năm 1984, đến năm 2007 thì ông, bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Tổ 9 phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là: do vấn đề kinh tế, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, bà X hỗn hào nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau gây mất trật tự ở địa phương. Ông xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng không khắc phục được, vợ

chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị X.

Về con chung và nợ chung: Ông xác định vợ chồng không có.

Về tài sản chung: Ông xác định ông và bà Nguyễn Thị X tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị X: Mặc dù bà X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà X vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tất P.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Tất P đối với bà Nguyễn Thị X.

Về nuôi con chung và nợ chung: Ông P xác định vợ chồng ông không có, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Ông P xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Ông P phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2021 thì nguyên đơn khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị X để xin ly hôn, không có con chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị X đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều

228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị X.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Tất P và bà Nguyễn Thị X tự nguyện kết hôn vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 134/2007, quyền số 01/2007 đăng ký ngày 08/10/2007. Do đó, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị X và ông Lê Tất P là hợp pháp, được nhà nước công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của ông P, HĐXX nhận thấy: Sau khoảng thời gian sống chung vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vấn đề kinh tế, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau. Do đó, đầu tháng 03/2021 ông Lê Tất P và bà Nguyễn Thị X đã nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ. Sau đó, ông Lê Tất P và bà Nguyễn Thị X đã rút đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã đình chỉ giải quyết theo Quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình số 89/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2021. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng vẫn trầm trọng không khắc phục, nên ông Lê Tất P đã nộp lại đơn khởi kiện về việc ly hôn đối với bà Nguyễn Thị X. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị X vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng hay để Tòa án tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ bà Nguyễn Thị X bỏ mặc, không quan tâm và không muốn tiếp tục duy trì đến mối quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Lê Tất P. Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa ông Lê Tất P và bà Nguyễn Thị X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Lê Tất P được ly hôn với bà Nguyễn Thị X.

[2.2] Về con chung và nợ chung: Ông Lê Tất P xác định vợ chồng không có, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Lê Tất P xác định ông và bà Nguyễn Thị X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Tất P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tất P đối với bà Nguyễn Thị X về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Tất P được ly hôn với bà Nguyễn Thị X.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 134/2007, quyền số 01/2007 đăng ký ngày 08/10/2007 tại UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung và nợ chung: Ông Lê Tất P xác định không có.

3. Về tài sản chung: Ông Lê Tất P xác nhận ông và bà Nguyễn Thị X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Tất P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008744 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Tất P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Khuê Trung;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền

